

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/5/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Bà Trần Thị Tuyết Mai;

2/- Bà Đặng Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 381/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: chị **Trần Thị Diệu H1**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: xã N, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: anh **Nguyễn Văn H2**, sinh năm 1969.

Hộ khẩu thường trú: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị H1 và anh H2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay của nguyên đơn chị Trần Thị Diệu H1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H2 kết hôn vào năm 2000, sau thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc, không hòa giải hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H2.

- Về con chung: có 01 đứa con chung tên Nguyễn N sinh ngày 02/5/2014, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tài liệu, chứng cứ chỉ H1 đã nộp, gồm: 01 bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2014 ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè, 01 giấy khai sinh cháu N.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H2 không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

- Chị H1 vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Anh H2 vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị Diệu H1 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H1.

Anh Nguyễn Văn H2 là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H2.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Trần Thị Diệu H1 và anh Nguyễn Văn H2 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Bè, huyện Cái Bè cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2014 ngày 20/6/2014.

Theo trình bày của chị H1 tại đơn khởi kiện và bản tự khai xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do tính tình không hợp với nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị H1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H2.

Sau khi nhận được các thông báo về việc thụ lý vụ án cho đến khi Tòa án triệu tập để hòa giải, anh H2 không có văn bản phản đối yêu cầu của chị H1, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa.

Thấy rằng: Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh H2 thực tế có phát sinh; anh H2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ anh không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa anh và chị H1.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh H2 không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên

áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H1 được ly hôn với anh H2.

[3]. Về con chung:

Giữa chị H1 và anh H2 có 01 đứa con chung tên Nguyễn N sinh ngày 02/5/2014, hiện do chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H1 yêu cầu tiếp tục nuôi cháu N.

Anh H2 không có văn bản thể hiện ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị H1.

Thấy rằng: Cháu N hiện đang sống ổn định với chị H1 nên tiếp tục giao cháu cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H1, giao cháu Nhân cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: chị H1 không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí:

Chị H1 pH2 chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Diệu H1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn H2.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn N sinh ngày 02/5/2014 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị H1 không yêu cầu anh H2 cấp dưỡng nuôi con.

Anh H2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị H1 pH2 chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01906 ngày

03/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị H1 không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị H1 và anh H2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND thị trấn Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT